TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN VĨNH TƯỜNG** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2018/DSST
Ngày 14 tháng 8 năm 2018
"V/v tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH TƯỜNG - TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đỗ Thị Minh Bình

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Chung
2. Ông Phùng Văn Thông

Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hải – Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Vĩnh Tường.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Tuyết – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 8 năm 2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Tường, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm vụ án thụ lý số 51/2018/TLST- DS ngày 23 tháng 5 năm 2018 về việc tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 77/2018/QĐXX- ST ngày 26 tháng 7 năm 2018 giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Ngân hàng chính sách xã hội V

Địa chỉ: Số 169 phố L, phường H, quận H, thành phố Hà Nội

Người đại diện theo pháp luật: Ông Dương Quyết T - Chức vụ: Tổng giám đốc Ngân hàng chính sách xã hội V

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Vũ Thị Hồng K - Chức vụ: Giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V (vắng mặt)

Người được ủy quyền lại: Ông Nguyễn Thành L, sinh năm 1979 - Chức vụ: Phó giám đốc Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V (văn bản ủy quyền số 60/UQ-PGD ngày 22/5/2018)

Địa chỉ: Khu 3 thị trấn V, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

2.Bị đơn: Bà Nguyễn Thị T, sinh năm 1969

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

3.Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Ông Bùi Văn O, sinh năm 1966 (chồng bà T)

Địa chỉ: Thôn 4, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (vắng mặt)

- Chị Bùi Thị P, sinh năm 1990 (con gái bà T)

Địa chỉ: Thôn 6, xã Đ, huyện V, tỉnh Vĩnh Phúc (có mặt)

-Chị Bùi Thị Phương L, sinh năm 1989 (con gái bà T)

Địa chỉ: Thôn Đ, xã Đ, huyện L, tỉnh Bắc Giang (có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 09/05/2018 cùng các lời khai tiếp theo và tại phiên tòa người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Nguyễn Thành L trình bày: Ngày 15/10/2009 gia đình bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Văn O ở thôn 4, xã Đ có làm giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay, trương trình cho vay Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn, cho hai con gái là chị Bùi Thị Phương L đi học tại trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên và chị Bùi Thị P đi học tại trường Cao đẳng sư phạm Vĩnh Phúc tổng số tiền xin vay là 28.000.000đồng. Căn cứ vào giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay trên, nên Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện V (sau đây gọi tắt là Ngân hàng) đã cho gia đình bà Nguyễn Thị T vay 28.000.000 đồng, lãi suất là 0,5%/tháng. Hình thức vay không phải thế chấp tài sản gì, thời hạn trả nợ cuối cùng là ngày 21/11/2014, khi làm hồ sơ vay vốn thì vợ chồng bà T đều ký vào giấy đề nghị vay vốn và sổ vay vốn, bà T đã được nhận đủ số tiền vay vào ngày 21/11/2009. Nhưng sau đó vợ chồng bà T không trả cho Ngân hàng một khoản tiền gốc, tiền lãi nào mặc dù Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng gia đình bà T không trả. Trước khi đến hạn trả nợ cuối cùng và sau khi chuyển nợ quá hạn Ngân hàng đã phối hợp với Tổ tiết kiệm và vay vốn, Ban chấp hành Đoàn thanh niên xã Đ, UBND xã Đ đôn đốc nhiều lần nhưng bà T cũng không trả nợ cho Ngân hàng.

Tính đến ngày 14/8/2018 bà Nguyễn Thị T nợ Ngân hàng cho từng sinh viên như sau: Đối với sinh viên Bùi Thị Phương L nợ gốc quá hạn là 14.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.414.233 đồng, lãi quá hạn là 6.048.467 đồng. Sinh viên Bùi Thị P

nợ gốc quá hạn là 14.000.000 đồng, nợ lãi trong hạn là 8.414.233 đồng, lãi quá hạn là 6.048.467 đồng.

Việc ông O cho rằng ông không biết về khoản vay đó là không đúng, vì sổ vay vốn, giấy đề nghị vay vốn đều có chữ ký của bà T ông O thì mới được vay tiền. Bà T xin khất nợ đến khi nào xin được việc cho các con thì sẽ trả nợ cho Ngân hàng nhưng Ngân hàng không đồng ý, vì khoản vay trên đã chuyển sang nợ quá hạn và Ngân hàng đã đôn đốc nhiều lần nhưng gia đình bà T không trả nợ. Chị Phương, chị Lan (các con bà T) xin được trả nợ cho Ngân hàng thay bố mẹ, nhưng khi nào xin được việc làm thì mới trả nợ Ngân hàng không đồng ý.

Nay Ngân hàng yêu cầu hộ gia đình bà Nguyễn Thị T và ông Bùi Văn O phải trả toàn bộ số tiền còn nợ tính đến ngày xét xử 14/8/2018 là 42.462.700 đồng trong đó khoản nợ gốc là 28.000.000 đồng, khoản nợ lãi là 14.462.700 đồng và tiền lãi chậm T toán phát sinh của số tiền gốc còn lại tính từ (ngày 15/8/2018) cho đến khi T toán hết khoản nợ.

Tại phiên tòa bị đơn bà Nguyễn Thị T vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 28/5/2018 bà T trình bày: Bà thừa nhận có vay tiền của Phòng giao dịch Ngân hàng chính sách xã hội huyện Vĩnh Tường 28.000.000 đồng tiền gốc, vay theo chương trình hỗ trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Cụ thể bà vay cho con gái là Bùi Thị Phương L đi học trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên và Bùi Thị P đi học trường Cao đẳng sư phạm Vĩnh Phúc. Khi vay không phải thế chấp tài sản gì, lãi suất bao nhiêu % bà không nhớ, có sổ vay vốn nhưng bà không nhớ là để sổ ở đâu. Quá trình vay bà không trả được tiền gốc và tiền lãi cho Ngân hàng vì chưa xin được việc cho các con, bà còn nợ Ngân hàng bao nhiêu tiền lãi (lãi trong hạn lãi quá hạn) thì không rõ, tiền lãi theo như cách tính của Ngân hàng bà không có ý kiến gì. Nay Ngân hàng yêu cầu gia đình bà phải trả số tiền gốc và tiền lãi còn nợ bà nhất trí, nhưng gia đình không có tiền trả ngay mà xin khất nợ đến khi nào xin được việc cho các con thì sẽ trả nợ cho Ngân hàng. Nay vợ chồng bà đi làm ăn ở Miền nam ít khi có mặt ở nhà, nên đề nghị Toà án giải quyết vắng mặt (bà T có đơn xin xét xử vắng mặt).

Những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

Tại phiên tòa người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Bùi Văn O vắng mặt nhưng theo biên bản lấy lời khai ngày 19/7/2018 ông O trình bày: Việc bà Nguyễn Thị T (vợ ông) vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam - Chi nhánh

huyện Vĩnh Tường như thế nào ông không biết. Vì toàn bộ việc vay này là do bà T, bà T vay bao nhiêu tiền và lãi suất như thế nào ông không biết. Khoảng tháng 8 hoặc tháng 9/2017 có cán bộ Ngân hàng vào nhà ông đòi tiền lúc đó ông mới biết bà T vay tiền của Ngân hàng. Sau đó bà T có nói cho ông biết việc vay tiền của Ngân hàng cho hai con là Bùi Thị Phương L, Bùi Thị P ăn học. Nay Ngân hàng yêu cầu gia đình ông phải trả số tiền gốc và tiền lãi còn nợ, việc này do bà T và các con có trách nhiệm trả nợ còn ông không vay tiền của Ngân hàng nên không trả nợ, do bận đi làm ăn nên ông đề nghị Tòa án giải quyết vắng mặt (ông O có đơn xin xét xử vắng mặt).

Chị Bùi Thị P, chị Bùi Thị Phương L trình bày: Khoảng năm 2008 bà Nguyễn Thị T (mẹ các chị) có vay tiền của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam chi nhánh huyện V, vay theo chương trình hỗ trợ học sinh, sinh viên có hoàn cảnh khó khăn. Mẹ vay tiền của Ngân hàng để cho chị L đi học tại trường Đại học sư phạm - Đại học Thái Nguyên, chị P đi học trường Cao đẳng sư phạm Vĩnh Phúc. Mẹ vay bao nhiêu tiền các chị không biết, từ khi các chị ra trường đến nay chưa xin được việc làm nên không có tiền trả nợ cho Ngân hàng. Nay Ngân hàng yêu cầu gia đình các chị phải trả số tiền còn nợ, các chị xin nhận trả nợ thay cho bố mẹ vì hiện nay bố mẹ gặp nhiều khó khăn về kinh tế. Các chị đề nghị Ngân hàng tạo điều kiện đến khi nào các chị xin được việc làm thì sẽ trả nợ cho Ngân hàng.

Tại phiên tòa Viện kiểm sát nhân dân huyện Vĩnh Tường phát biểu về việc chấp hành pháp luật của Hội đồng xét xử, Thẩm phán, Thư ký Tòa án và việc chấp hành pháp luật của các đương sự đồng thời phát biểu quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 351, 357, 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện đòi số tiền gôc và lãi nêu trên của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam đối với hộ vay Nguyễn Thị T và chồng là ông Bùi Văn O phải T toán cho Ngân hàng số tiền còn nợ tính đến ngày 14/8/2018 là 42.462.700đồng (trong đó tiền gốc là 28.000.000đ tiền lãi là 14.462.700đ) và tiền chậm T toán phát sinh từ ngày 15/8/2018 cho đến khi T toán hết khoản nợ. Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà T, ông O không trả nợ hoặc trả không đầy đủ thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Về sự vắng mặt của bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Văn O đã có lời khai vì vậy căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với đương sự nêu trên.

[2]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp*: Đây là vụ án "tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án.

[3]. Theo các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đã thể hiện: Tuy bà T, ông O vắng mặt nhưng căn cứ vào sổ vay vốn mã KH: 240462 và Giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 15/10/2009 thì bà Nguyễn Thị T có vay 28.000.000 đồng của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam. Lãi suất thỏa thuận 0,5%/tháng, thời hạn vay là 60 tháng kể từ ngày 21/11/2009 đến ngày 21/11/2014, mục đích vay cho con gái là Bùi Thị Phương L đi học trường Đại học sư phạm – Đại học Thái Nguyên và Bùi Thị P đi học trường Cao đẳng sư phạm Vĩnh Phúc (vay theo chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn), hình thức vay không phải thế chấp tài sản việc vay trên là hợp pháp. Nhưng sau khi vay tiền bà T không trả được khoản tiền gốc tiền lãi nào cho Ngân hàng, như vậy bà T đã vi phạm cam kết về thực hiện nghĩa vụ trả nợ của bên vay.

Việc bà T xin khất nợ với lý do đến khi nào xin được việc cho các con thì sẽ trả nợ cho Ngân hàng. Ông O (chồng bà T) cho rằng, ông không vay tiền của Ngân hàng nên không có trách nhiệm trả nợ mà do bà T và các con phải trả nợ cho Ngân hàng. Chị P, chị Lan (con gái ông O bà T) thì xin trả nợ thay cho bố mẹ, nhưng khi nào các chị xin được việc làm sẽ trả nợ cho Ngân hàng là không chấp nhận được. Bởi lẽ căn cứ vào sổ vay vốn và giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 15/10/2009, thì bà T là người đứng ra vay tiền còn ông O là người thừa kế. Bà T, ông O đều ký vào giấy đề nghị vay vốn và sổ vay vốn vì vậy cần buộc bà T, ông O phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam số tiền gốc là 28.000.000 đồng, tiền lãi là 14.462.700 đồng tổng cộng là 42.462.700đồng.

Việc Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam và bà Nguyễn Thị T thỏa thuận mức lãi suất đối với khoản vay theo chương trình Học sinh sinh viên có hoàn cảnh khó khăn của bà T là tự nguyện phù hợp với quy định của pháp luật.

[4]. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án

bà T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.123.000 đồng (42.462.700đ x 5% = 2.123.135đ làm tròn = 2.123000đ). Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Về quyền kháng cáo đối với bản án: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng năm 2010; Điều 280, 357, 463, 466, khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội ngày 30/12/2016 quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam.

Buộc bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Văn O phải có trách nhiệm trả nợ cho Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam 28.000.000 đồng tiền gốc và 14.462.700 đồng tiền lãi tổng cộng là 42.462.700 đồng (bốn mươi hai triệu bốn trăm sáu hai nghìn bảy trăm đồng). Bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Văn O phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi kể từ sau ngày tuyên bản án sơ thẩm đối với khoản nợ gốc cho đến khi T toán xong, theo mức lãi suất thỏa thuận tại giấy đề nghị vay vốn kiêm phương án sử dụng vốn vay ngày 15/10/2009.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật nếu bà T, ông O chậm trả tiền thì còn phải trả tiền lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Bà Nguyễn Thị T phải chịu 2.123.000 đồng (hai triệu một trăm hai ba nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm. Ngân hàng chính sách xã hội Việt Nam không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm.

Các đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bà Nguyễn Thị T, ông Bùi Văn O vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

"Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự;

thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự".

Nơi nhận:
- VKSND huyện Vĩnh Tường;
- CCTHADS huyện Vĩnh Tường;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án + văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đỗ Thị Minh Bình